

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07/12/2021

“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kia;

Bà Nguyễn Thị Huê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Ngọc, kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2021 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 02/02 V, Tổ B, phường B thị xã A, tỉnh Gia Lai; Chị H có mặt.

- Bị đơn: Anh Ngô Quang T, sinh năm 1981; Địa chỉ trong đơn kiện: Thôn 03, xã T2, huyện Đ, tỉnh Gia Lai;

Nơi cư trú hiện nay: Địa chỉ: Số 02/02 V, Tổ B, phường B thị xã A, tỉnh Gia Lai. Anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H trình bày: Chị H và anh Ngô Quang T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T2, huyện Đ, tỉnh Gia Lai vào ngày 02/10/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chuyển về sống chung với nhau tại thị xã A, thời gian đầu sống với nhau hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau về mọi mặt nên vợ chồng cãi vã nhau, những lúc như vậy anh T đánh chị H nên cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Sau những lần mâu thuẫn anh T đã bỏ đi, sau đó quay về nhưng vợ chồng cũng không còn hạnh phúc nữa. Vì vậy, cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh T không còn hạnh phúc nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Quang T. Về việc nuôi con, chị H và anh T có 01 con chung tên Ngô Quang T1, sinh ngày 30/02/2010, hiện nay đang sống với chị H

nên chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T1. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ngô Quang T trình bày trong bản khai cũng như tại biên bản hòa giải tại Tòa án có nội dung như sau: Anh T và chị H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn như chị H trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn và hay cãi vã nhau, những lúc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vợ chồng có to tiếng với nhau nên chị H không chấp nhận và đã làm đơn xin ly hôn. Anh T không muốn ly hôn vì sợ con sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống sau này nếu chị H không muốn sống với anh nữa thì anh đồng ý với điều kiện chị H để con là cháu Ngô Quang T1, sinh ngày 30/02/2010 cho anh T nuôi. Chị H không đồng ý giao con cho anh nuôi thì anh T yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung, có 01 con chung như chị H trình bày, anh T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng Tòa án nhân dân thị xã A đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H. Về hôn nhân cho chị Nguyễn Thị Hồng H ly hôn với anh Ngô Quang T. Về con, giao con chung là Ngô Quang T1, sinh ngày 30/02/2010 cho chị Nguyễn Thị Hồng H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí chị H phải chịu số tiền 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H yêu cầu ly hôn với anh Ngô Quang T, hiện cư trú tại phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã A thụ lý giải quyết án dân sự nói trên là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Ngô Quang T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T2, huyện Đ, tỉnh Gia Lai theo “Giấy chứng nhận kết hôn” số 17, quyển số 01, ngày vào ngày 02/10/2010. Việc đăng ký kết hôn giữa chị H và anh T đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân là hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị H và anh T đã phát sinh mâu thuẫn không có hạnh phúc nên chị H đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T. Quá trình giải quyết vụ án anh T cho rằng không muốn ly hôn vì sợ con thiếu thôn tình cảm của cha, mẹ nhưng anh không có ý kiến gì về việc được tiếp tục chung sống với chị H mà bỏ mặc và chỉ đưa ra ý kiến không muốn ly hôn với chị H. Tòa án đã triệu tập đến tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng anh T không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với chị H. Hơn nữa, hiện nay

chị H và anh T đã không còn chung sống với nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn với anh Ngô Quang T.

[3] Về việc nuôi con: Chị H và anh T có 01 con chung tên Ngô Quang T1, sinh ngày 30/02/2010. Chị H và anh T đều yêu cầu được nuôi con. Xét thấy, hiện nay chị H đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1, qua xem xét ý kiến nguyện vọng của cháu T1 thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ để được sự chăm sóc của mẹ. Vì vậy, không làm đảo lộn cuộc sống, sinh hoạt bình thường của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cho chị H tiếp tục nuôi con là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị H trình bày, hiện nay anh T không có việc làm, không có thu nhập, hơn nữa chị H có công việc mua bán, có thu nhập đảm bảo được việc nuôi cháu T1 đến khi thành niên và tự lực được. Vì vậy, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, vì thế Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng H;

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn với anh Ngô Quang T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Hồng H nuôi con chung là cháu Ngô Quang T1, sinh ngày 30/02/2010 cho đến khi cháu T1 thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc

trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Hồng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007003 ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

4. Thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án ngày 07/12/2021 để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Ttrường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Các đương sự;
- UBND xã T2, huyện Đ (Để ghi vào sổ hộ tịch; Kết hôn số 17, ngày 02/10/2010);
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Trung Toàn